|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU****NỘI DUNG CƠ BẢN LUẬT QUỐC PHÒNG NĂM 2018** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP**VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT** | NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**Vụ Pháp chế** |

Luật Quốc phòng năm 2018 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 08/6/2018, gồm 7 chương 40 điều; Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

Luật Quốc phòng năm 2018 ban hành đã chi phối toàn bộ hệ thống pháp luật về quốc phòng, tác động đến hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Luật Quốc phòng năm 2018 đã thể chế đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, đã cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, thống nhất với hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh và pháp luật có liên quan. Đặc biệt, Luật Quốc phòng năm 2018 có nhiều quy định mới, tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng để tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; hình thái chiến tranh tương lai có nhiều thay đổi, phát triển mới.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT QUỐC PHÒNG NĂM 2018**

Sau hơn 10 năm thực hiện, Luật Quốc phòng năm 2005 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định mới của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng chưa được thể chế và cụ thể hóa; một số nội dung của Luật Quốc phòng năm 2005 chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan về quốc phòng; nhiều nội dung đang được điều chỉnh ở văn bản QPPL tính pháp lý chưa cao, chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ; quá trình thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay, cụ thể ở một số vấn đề cơ bản sau:

***Thứ nhất***, từ năm 2005 đến nay, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, an ninh cần phải được thể chế hóa như:

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với quốc phòng, an ninh là “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”; nhà nước quản lý “tập trung, thống nhất” đối với quốc phòng, an ninh; yếu tố văn hóa, đối ngoại được bổ sung trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và tiềm lực khu vực phòng thủ; kết hợp quốc phòng với kinh tế, văn hóa, xã hội và kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, xác định rõ và đồng bộ phương hướng, mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về xây dựng khu vực phòng thủ; kiện toàn, bảo đảm các chế độ chính sách, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ quân sự ở cơ sở.

 Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) xác định rõ chủ trương, quan điểm mới về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) đã xác định mục tiêu, quan điểm, nội dung mới về Hội nhập quốc tế, trong đó chỉ rõ “…Hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia...”.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã có sự phát triển về phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam và Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quân sự Việt Nam.

***Thứ hai,*** Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng; tuyên bố, công bố, bãi bỏ tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng; việc lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện nghĩa vụ quốc tế, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới; xây dựng Quân đội nhân dân và dân quân tự vệ; Hội đồng quốc phòng và an ninh; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bình đẳng giới; việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh và một số quy định khác liên quan đến quốc phòng. Trong khi đó, Luật Quốc phòng năm 2005 chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để phù hợp với Hiến pháp mới.

***Thứ ba,*** qua Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Quốc phòng trên phạm vi cả nước đã bộc lộ nhiều hạn chế, khuyết điểm, bất cập, nổi bật là: Việc quản lý điều hành và tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, mô hình, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hệ thống phòng thủ quân khu chưa được quy định rõ; nhiệm vụ, mô hình xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định chưa đầy đủ; chính sách, pháp luật về quốc phòng chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn quy định ở nhiều văn bản QPPL, hiệu lực pháp lý thấp, chưa thống nhất, chậm thể chế hóa chủ trương, quan điểm mới của Đảng và cụ thể Hiến pháp, dẫn đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng của các cấp, các ngành, địa phương có nơi còn hạn chế; một số địa phương chưa đầu tư đúng mức cho xây dựng thế trận và hoạt động của khu vực phòng thủ. Chất lượng xây dựng, huấn luyện, diễn tập, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng vũ trang còn bất cập. Sự phối hợp, hướng dẫn, thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, các mặt bảo đảm cho quốc phòng, sẵn sàng động viên cho chiến tranh chưa ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trách nhiệm phối hợp trong hoạt động quốc phòng của một số bộ, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng trên một số lĩnh vực, ngành, địa bàn chưa chặt chẽ. Tiềm lực quốc phòng, an ninh chưa tương xứng với sự phát triển của đất nước và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp, khoa học và công nghệ quốc gia, huy động công nghiệp dân sinh cho quốc phòng chưa được coi trọng, chưa có chiến lược, cơ chế, chính sách đầy đủ để phát triển mạnh công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, chưa đáp ứng yêu cầu vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang đối phó thắng lợi với các hình thái chiến tranh công nghệ cao trong tương lai. Bố trí, sử dụng nguồn lực cho quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ và xây dựng lực lượng vũ trang còn gặp nhiều khó khăn.

Luật Quốc phòng năm 2005 quy định chưa đầy đủ, cụ thể về quản lý nhà nước về biên giới quốc gia của Bộ Quốc phòng; duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, các cửa khẩu, hải đảo, vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chức năng, nhiệm vụ của Quân đội nhân dân.

Đa số ý kiến của cơ quan, tổ chức, địa phương đều kiến nghị, đề xuất cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Quốc phòng hiện hành cho phù hợp với các quan điểm, chủ trương mới của Đảng và Hiến pháp năm 2013 như: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hoạt động quốc phòng, chính sách quốc phòng; Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; nguyên tắc hoạt động và trường hợp sử dụng lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, động viên quốc phòng, công nghiệp quốc phòng, an ninh; giáo dục quốc phòng và an ninh; đối ngoại quốc phòng; kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng; bảo đảm nguồn lực, ngân sách, vật tư, tài sản cho quốc phòng; chế độ, chính sách đãi ngộ cho bản thân và gia đình công dân phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc được huy động làm nhiệm vụ quốc phòng; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, quyền và nghĩa vụ của công dân về quốc phòng; các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực quốc phòng; Hội đồng Quốc phòng và An ninh và cơ quan thường trực, giúp việc. Nhiều cơ quan, tổ chức đề nghị quy định ban chỉ huy quân sự ở bộ, ngành Trung ương trong Luật Quốc phòng để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quốc phòng ở các bộ, ngành Trung ương.

***Thứ tư,*** từ thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới, những năm gần đây và dự báo chiến tranh trong tương lai, ngoài chiến tranh truyền thống còn xuất hiện chiến tranh phi quy ước, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và việc sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, an ninh phi truyền thống, sẽ được sử dụng là chủ yếu, ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh. Mặt khác, thế giới đã và đang có nhiều thay đổi khó lường về phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến... để tiến hành chiến tranh. Nhằm chủ động ngăn ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi và đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược nếu xảy ra, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Quốc phòng tạo hành lang pháp lý đầy đủ và cao hơn nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA LUẬT QUỐC PHÒNG NĂM 2018**

**1. Quan điểm**

- Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, dân quân tự vệ và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

- Thể chế quan điểm, chủ trương mới của Đảng, cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ Tổ quốc và quốc phòng, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, bảo đảm tính hợp hiến và thống nhất của Luật quốc phòng với các quy định của pháp luật có liên quan.

- Tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành về quốc phòng; bổ sung những quy định mới đã được thực tiễn kiểm nghiệm và chứng minh là đúng đắn; bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về quốc phòng, đồng thời thu hút những quy định quan trọng về quốc phòng của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan vào Luật Quốc phòng.

- Nghiên cứu những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các nhóm giải pháp, kiến nghị, đề nghị được rút ra từ Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Quốc phòng hiện hành để bảo đảm tính thực tiễn.

- Bảo đảm tính công khai, dân chủ, minh bạch và dễ tiếp cận; tiếp thu những ý kiến hợp lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, chuyên gia, nhà khoa học trong quá trình soạn thảo.

- Nghiên cứu có chọn lọc Luật Quốc phòng của một số nước trên thế giới, vận dụng phù hợp với điều kiện nước ta.

**2. Mục tiêu**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

**III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT QUỐC PHÒNG NĂM 2018**

**1. Bố cục của Luật**

Luật Quốc phòng năm 2018 có 7 chương, 40 điều, giảm 2 chương và 11 điều so với Luật Quốc phòng năm 2005. Luật có nhiều quy định mới, tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng để tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, hình thái chiến tranh tương lai có nhiều thay đổi, phát triển mới.

**2. Nội dung cơ bản:**

**Chương I. Những quy định chung**

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 1 đến Điều 6), quy định phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động quốc phòng; chính sách của Nhà nước về quốc phòng; quyền và nghĩa vụ của công dân về quốc phòng; các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực quốc phòng.

**Chương II. Hoạt động cơ bản về quốc phòng**

Chương này gồm 10 điều (từ Điều 7 đến Điều 16), quy định nền quốc phòng toàn dân; phòng thủ quân khu; khu vực phòng thủ; giáo dục quốc phòng và an ninh; động viên quốc phòng; công nghiệp quốc phòng, an ninh; phòng thủ dân sự; đối ngoại quốc phòng; kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng; công tác quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương.

**Chương III. Tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm**

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 17 đến Điều 22), quy định tuyên bố, công bố, bãi bỏ tình trạng chiến tranh; ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp về quốc phòng; tổng động viên, động viên cục bộ; quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng; thiết quân luật; giới nghiêm.

**Chương IV. Lực lượng vũ trang nhân dân**

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 23 đến Điều 28), quy định thành phần, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân; nguyên tắc hoạt động và trường hợp sử dụng lực lượng vũ trang nhân dân; quân đội nhân dân; Công an nhân dân; Dân quân tự vệ; chỉ huy Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ.

**Chương V. Bảo đảm quốc phòng**

Chương này gồm 5 điều (từ Điều 29 đến Điều 33), quy định bảo đảm nguồn nhân lực; bảo đảm nguồn lực tài chính; bảo đảm tài sản phục vụ quốc phòng; bảo đảm phục vụ quốc phòng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội và đối ngoại; bảo đảm hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân.

**Chương VI. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức về quốc phòng**

Chương này gồm 6 điều (từ Điều 34 đến Điều 39), quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, ngành trung ương; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp; nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

**Chương VII. Điều khoản thi hành**

Chương này có 01 điều (Điều 40) quy định hiệu lực thi hành.

**IV. QUY ĐỊNH MỚI CỦA LUẬT QUỐC PHÒNG NĂM 2018**

Luật Quốc phòng năm 2018, quy định đầy đủ, toàn diện hơn về quốc phòng của đất nước, nhất là các hoạt động quốc phòng, nhằm đáp ứng 02 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Luật Quốc phòng năm 2018 trong đó có một số quy định hết sức quan trọng, đó là:

1. Bổ sung chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân, công nghiệp quốc phòng, an ninh phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Quy định mới về công nghiệp quốc phòng, an ninh, không tách rời nhau; phát triển quốc phòng, an ninh phải trong một chỉnh thể thống nhất, do Nhà nước quản lý, điều hành, phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng, nhất là Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Điều 68 Hiến pháp năm 2013.

3. Bổ sung quy định về phòng, chống chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng, phù hợp với Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng Việt Nam (24-NQ/TW); Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quân sự Việt Nam (31-KL/TW).

4. Quy định mới về phòng thủ quân khu để phù hợp với Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, tạo hành lang pháp lý, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong xây dựng và hoạt động phòng thủ quân khu thời gian qua, phù hợp với thực tiễn xây dựng và phát triển lịch sử trên 70 năm của các quân khu.

5. Quy định khu vực phòng thủ Thủ đô Hà Nội phù hợp với tính chất nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô Hà Nội, phù hợp với Luật Thủ đô.

6. Bổ sung quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, nhất là bình đẳng giới, phù hợp với Điều 14 của Hiến pháp năm 2013.

7. Bổ sung quy định xây dựng tiềm lực đối ngoại vào trong xây dựng tiềm lực của khu vực phòng thủ.

8. Quy định đầy đủ, toàn diện về trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Quốc phòng trong việc cho ý kiến, tham gia thẩm định đối với việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan (điểm d khoản 2 Điều 15).

Đồng thời, quy định một số dự án đầu tư xây dựng ở địa bàn trọng điểm về quốc phòng phải có tính lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng (điểm e khoản 2 Điều 15) để thể chế Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị.

9. Bổ sung quy định về Ban Chỉ huy quân sự (CHQS) bộ, ngành Trung ương, để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban CHQS bộ, ngành Trung ương; địa phương có cơ quan thường trực công tác quốc phòng là cơ quan quân sự địa phương cùng cấp.

10. Bổ sung quy định về hạn chế quyền con người, quyền công dân trong thực hiện Lệnh thiết quân luật, giới nghiêm để phù hợp với Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

11. Bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ Quân đội nhân dân, nhằm luật hóa vấn đề này.

12. Bổ sung quy định về bảo đảm nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính, tài sản phục vụ quốc phòng, bảo đảm phục vụ quốc phòng trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại theo hướng toàn diện hơn, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan.

13. Bổ sung quy định về nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng trong duy trì an ninh trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, các cửa khẩu, hải đảo, vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để thống nhất với Luật Biên giới quốc gia, Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân; phù hợp với 07 Nghị quyết và 01 Kết luận của Trung ương về nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển thuộc Bộ Quốc phòng.

14. Bổ sung quy định về nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, đối ngoại quốc phòng, kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về quốc phòng, phòng thủ dân sự.

15. Luật hóa một số quy định tại một số văn bản dưới luật về quốc phòng, an ninh, phòng thủ dân sự vào trong Luật Quốc phòng (Nghị định số 116/2006/NĐ-CP, Nghị định số 32/2009/NĐ-CP, Nghị định số 152/2007/NĐ-CP...).

***\**** *Các quy định trên sẽ tạo hành lang pháp lý để tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; hình thái chiến tranh tương lai có nhiều thay đổi, phát triển mới.*

**V. CƠ SỞ BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI TRONG LUẬT QUỐC PHÒNG NĂM 2018**

**1. Chính sách của Nhà nước về quốc phòng** (Điều 4)

Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước, là mục tiêu xuyên suốt của chính sách quốc phòng Việt Nam. Vì vậy, Luật Quốc phòng năm 2018 đã khái quát những chính sách cơ bản về quốc phòng như sau: *(1) Củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, sức mạnh quân sự để xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới. (2) Thực hiện độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời; thực hiện chính sách hòa bình, tự vệ; sử dụng các biện pháp chính đáng, thích hợp để phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu và hành vi xâm lược. (3) Thực hiện đối ngoại quốc phòng phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chống chiến tranh dưới mọi hình thức; chủ động và tích cực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đối thoại quốc phòng, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không tham gia lực lượng, liên minh quân sự của bên này chống bên kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ của Việt Nam để chống lại nước khác; không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. (4) Huy động nguồn lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. (5) Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho quốc phòng trên nguyên tắc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế. (6) Phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân, công nghiệp quốc phòng, an ninh đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. (7) Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; có chính sách đặc thù ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng. (8) Nhà nước ghi nhận công lao và khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.*

**2. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực quốc phòng** (Điều 6)

Việc kết cấu một điều về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực quốc phòng trong Luật Quốc phòng năm 2018 là quy định mới, trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 11 Hiến pháp năm 2013, khoản 5 Điều 13 Luật An ninh quốc gia năm 2004, Điều 6 Luật Bình đẳng giới năm 2006 và kế thừa Luật Quốc phòng năm 2005, Luật đã quy định thành 6 nhóm hành vi, bao gồm: *(1) Chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. (2) Thành lập, tham gia, tài trợ tổ chức vũ trang trái pháp luật. (3) Điều động, sử dụng người, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trang bị, thiết bị, phương tiện để tiến hành hoạt động vũ trang khi chưa có lệnh hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc không có trong kế hoạch huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu đã được phê duyệt. (4) Chống lại hoặc cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. (5) Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng để xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. (6) Phân biệt đối xử về giới trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.*

**3. Về phòng thủ quân khu** (Điều 8)

- Việc kết cấu một điều về phòng thủ quân khu trong Luật là quy định mới, rất cần thiết để thể chế quan điểm của Đảng về *Khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là bộ phận hợp thành hệ thống phòng thủ chung của quân khu và cả nước…*” tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới;

- Mặt khác, ngay từ những năm 1945, 1946, các quân khu đã được thành lập. Hơn 70 năm qua, các quân khu đã đóng góp quan trọng vào các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc;

- Phòng thủ quân khu đã được hình thành, xây dựng từ ngay sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước; Phòng thủ quân khu có vị trí, vai trò chiến lược trong hệ thống phòng thủ chung của cả nước để bảo vệ từng địa phương, vùng, miền chiến lược của đất nước, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới;

- Tuy nhiên, phòng thủ quân khu chưa có địa vị pháp lý, chưa được quy định trong hệ thống pháp luật về quốc phòng.

Vì vậy, việc quy định phòng thủ quân khu trong Luật là cần thiết, nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ để tổ chức xây dựng và hoạt động phòng thủ quân khu, đáp ứng yêu cầu phòng thủ trên các hướng, vùng, miền chiến lược.

Luật Quốc phòng năm 2018 đã được chỉnh lý quy định toàn diện, chặt chẽ hơn, nhất là quy định tại khoản 1 đã thống nhất giữa phòng thủ quân khu với phòng thủ đất nước, giữa phòng thủ quân khu với khu vực phòng thủ cấp tỉnh, huyện trong một chỉnh thể thống nhất.

Về nhiệm vụ phòng thủ quân khu đã quy định 9 nội dung bảo đảm chặt chẽ giữa các nhiệm vụ quân khu trực tiếp làm với các nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện, giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đầy đủ các tiềm lực của khu vực phòng thủ gắn với phòng thủ quân khu. Đồng thời, Luật Quốc phòng năm 2018 đã giao Chính phủ quy địnhviệc chỉ đạo, chỉ huy, mối quan hệ phối hợp, bảo đảm và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng thủ quân khu là phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ và cũng là nội dung hiện nay đang còn thiếu, cần bổ sung quy định.

**4. Về khu vực phòng thủ** (Điều 9)

- Việc quy định khu vực phòng thủ là thể chế Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị; đồng thời kế thừa Luật Quốc phòng năm 2005;

- Điều 9 Luật Quốc phòng chỉ quy định chính sách lớn về khu vực phòng thủ là phù hợp với quan điểm sửa đổi Luật Quốc phòng;

- Những vấn đề cụ thể đã được quy định tại Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007, Nghị định số 02/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2007/NĐ-CP về khu vực phòng thủ và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Về nhiệm vụ khu vực phòng thủ đã quy định 8 nội dung bảo đảm chặt chẽ các nhiệm vụ của khu vực phòng thủ tỉnh, huyện thực hiện theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Quốc phòng, quân khu và các nội dung phối hợp giữa quân khu và cấp tỉnh, cấp huyện. Các nhiệm vụ của khu vực phòng thủ đã bảo đảm tính thống nhất, chặt chẽ với nhiệm vụ phòng thủ quân khu và nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Đồng thời, Luật Quốc phòng năm 2018 đã bổ sung quy định mới về khu vực phòng thủ Thành phố Hà Nội là bộ phận hợp thành phòng thủ đất nước; thực hiện các nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, phù hợp với tính đặc thù của khu vực phòng thủ Thành phố Hà Nội, vừa chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, vừa chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng.

**5. Về công nghiệp quốc phòng, an ninh** (Điều12)

- Luật quy định công nghiệp quốc phòng, an ninh là cụ thể Điều 68 Hiến pháp năm 2013; cập nhật và thể chế kịp thời quan điểm, chủ trương mới của Đảng tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các văn bản nêu trên đều quy định*“Công nghiệp quốc phòng, an ninh”,* không tách rời nhau giữa *“Công nghiệp quốc phòng” và “Công nghiệp an ninh”*;

 - Quy định *“Công nghiệp quốc phòng, an ninh”* trong một chỉnh thể thống nhất sẽ tập trung nguồn lực quốc gia cho đầu tư phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; không làm tăng tổ chức biên chế, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư; phù hợp với xu thế phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh hiện nay của nhiều nước trên thế giới. Đồng thời phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng tại Nghị quyết số 23-NQ/TW: *“Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh*”;

 - Những năm qua, việc nghiên cứu phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị, vật tư, thiết bị kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ cho cả quốc phòng và an ninh để trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có Quân đội nhân dân và Công an nhân dân;

Mặt khác, Luật giao: *“Chính phủ xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án để phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh**đáp ứng yêu cầu****,*** *nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc*” sẽ bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, quản lý, điều hành về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

**6. Về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng** (Điều 15)

- Luật Quốc phòng năm 2018 quy định kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng là thể chế hóa nghị quyết Đại hội XII của Đảng, cụ thể hóa Điều 68 Hiến pháp năm 2013;

- Kế thừa Luật Quốc phòng năm 2005 bảo đảm thống nhất với pháp luật có liên quan như Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội...;

- Qua tổng kết Luật Quốc phòng năm 2005, thời gian qua, một số lĩnh vực, ngành, địa phương thực hiện kết hợp quốc phòng với kinh tế, văn hóa, xã hội và kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng hiệu quả thấp, có nơi, có chỗ còn vi phạm pháp luật. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng này, nhưng nguyên nhân chủ yếu là việc thực thi pháp luật không nghiêm ...

*Về khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thẩm định việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quốc phòng, vì:*

- Luật Quốc phòng năm 2018 chỉ quy định có tính nguyên tắc. Việc quy định cụ thể trách nhiệm thẩm định của Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Hiện nay, đã được quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ.

- Mặt khác, Luật Quốc phòng năm 2018 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 15 nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi khi Luật có hiệu lực

- Luật Quốc phòng năm 2018 đã quy định rõ ***"tính lưỡng dụng"*** và sự kết hợp, điểm e khoản 2 quy định *"....**Dự án đầu tư xây dựng ở địa bàn trọng điểm về quốc phòng* *phải có tính lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng"* . Đây là sự phát triển mới, phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời là giải pháp để giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu cao của quốc phòng và khả năng kinh tế của đất nước còn thấp; nếu thực hiện và phát huy được tính lưỡng dụng trong kết hợp, sẽ mang lại hiệu quả cao trong thực hiện hai mục tiêu chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**7. Vềthiết quân luật** (Điều 21)

- Luật quy định thiết quân luật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của Luật. Khi thi hành lệnh thiết quân luật, phải thi hành một số biện pháp đặc biệt làm hạn chế một số quyền công dân, quyền con người, nên phải quy định trong Luật đồng thời luật hóa các quy định hiện hành tại Điều 15 Nghị định số 32/2009/NĐ-CP, Điều 15 Nghị định số 116/2006/NĐ-CP, (khoản 6, khoản 7);

- Thiết quân luật là biện pháp quản lý nhà nước đặc biệt có thời hạn do quân đội thực hiện. Khi an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở một hoặc một số địa phương bị xâm phạm nghiêm trọng tới mức chính quyền ở đó không còn kiểm soát được tình hình thì Chủ tịch nước ra lệnh thiết quân luật theo đề nghị của Chính phủ. Việc tổ chức thực hiện lệnh thiết quân luật thuộc thẩm quyền của Chính phủ đã quy định tại Nghị định số 32/2009/NĐ-CP, Nghị định số 116/2006/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã có hướng dẫn tại Thông tư số 21/2013/TT-BQP (các văn bản nêu trên đều là văn bản mật). Trong đó quy định về trình tự, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của người chỉ huy đơn vị quân đội làm nhiệm vụ thi hành thiết quân luật và ủy ban quân sự các cấp. Tuy nhiên, các văn bản nêu trên cần phải sửa đổi, bổ sung cho đầy đủ, phù hợp với Luật Quốc phòng năm 2018;

Hiện nay các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng chưa đầy đủ, cụ thể về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của ban thường vụ, bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân với ủy ban quân sự trên địa bàn thiết quân luật. Vấn đề này cơ quan có thẩm quyền sẽ ban hành văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể hơn.

**8. Về giới nghiêm** (Điều 22)

Các quy định về giới nghiêm là kế thừa Điều 33 Luật Quốc phòng năm 2005 và một số nội dung cơ bản của Điều 19 Nghị định số 32/2009/NĐ-CP, Điều 16 Nghị định số 116/2006/NĐ-CP. Theo đó, cơ quan quân sự các cấp là cơ quan chủ trì báo cáo tình hình, chủ trì soạn thảo lệnh giới nghiêm trình cấp có thẩm quyền ra lệnh. Việc quy định về phối hợp giữa các lực lượng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, đã được quy định tại Nghị định số 32/2009/NĐ-CP ngày 03/4/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quốc phòng về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm; Nghị định 116/2006/NĐ-CP ngày 6/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các đơn vị quân đội, đơn vị công an nhân dân, dân quân tự vệ thuộc thẩm quyền của Chính phủ và đã được quy định tại 32/2009/NĐ-CP, Nghị định số 116/2006/NĐ-CP, Nghị định số 77/2010/NĐ-CP và Nghị định số 133/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn khác. Việc xây dựng Luật về tình trạng chiến tranh, giới nghiêm, thiết quân luật do Quốc hội quyết định. Luật An ninh quốc gia năm 2004 và các văn bản pháp luật về an ninh hiện hành không điều chỉnh về giới nghiêm;

Mặt khác, các quy định của Luật Quốc phòng năm 2018 phù hợp với thực tiễn, từ ngày thành lập nước, Bác Hồ đã ký ban hành Sắc lệnh về việc giới nghiêm (số 77 ngày 29 tháng 5 năm 1946). Trên thực tế thực hiện giới nghiêm nhằm ổn định tình hình, đồng thời ngăn chặn dẫn tới bạo loạn nhằm lật đổ chính quyền;

Vì vậy, quy định giới nghiêm trong Luật Quốc phòng năm 2018 là phù hợp. Tuy nhiên, để có cơ sở pháp lý triện khai thực hiện đồng bộ, Chính phủ cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật để tránh chồng chéo nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng thực hiện lệnh giới nghiêm.

**9. Về vấn đề ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương** (Điều 16)

Luật Quốc phòng năm 2018, quy định Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương trên cơ sở các Nghị định số 119/2004/NĐ-CP, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP, Điều 23 Luật Dân quân tự vệ năm 2009 và tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, cụ thể như sau:

***Thứ nhất,*** Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương đã được tổ chức, hoạt động trên 20 năm, đã được quy định tại Luật Dân quân tự vệ. Tuy nhiên, việc quy định Ban Chỉ huy quân sự ở Luật Dân quân tự vệ là không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, không phải là tổ chức chỉ huy đơn vị tự vệ. Vì vậy, quy định trong Luật Quốc phòng là phù hợp và bãi bỏ quy định này tại Luật Dân quân tự vệ.

***Thứ hai,*** Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, do đó không làm tăng biên chế, không phát sinh thêm bộ máy hành chính, đã thực hiện ổn định và phát huy tốt vai trò, chức năng, hiệu quả trong tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của từng bộ, ngành trung ương.

***Thứ ba,*** Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương có chức năng, nhiệm vụ cụ thể:

- Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, quân sự; tham mưu ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện công tác quốc phòng, quân sự ở bộ, ngành mình;

- Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; thực hiện nhiệm vụ động viên các nguồn lực của bộ, ngành để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống;

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân; xây dựng cơ quan, đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện, góp phần xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành quản lý thực hiện công tác tổ chức, huấn luyện, diễn tập, hoạt động của lực lượng tự vệ; quản lý, huy động lực lượng dự bị động viên, tuyển quân. Thực hiện công tác phòng thủ dân sự;

- Bảo đảm ngân sách cho thực hiện công tác quốc phòng, quân sự; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

**10.** **Về chức năng, nhiệm vụ của Quân đội** (khoản 2 Điều 25)

Luật Quốc phòng năm 2005, chưa quy định cụ thể, đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ của Quân đội nhân dân; Quân đội thực hiện lao động sản xuất kết hợp quốc phòng với kinh tế là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Quân đội đã được xác định tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 12 (mở rộng) tháng 3/1957 về xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, Nghị quyết số 71/ĐUQSTW ngày 25/4/2002 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 520-NQ/QUTW ngày 25/9/2012 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng của Quân đội đến năm 2020. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 về xây dựng khu kinh tế - quốc phòng. Tại lễ kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1964) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“… Quân đội ta đã chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực…*” và “*Quân đội ta đã góp phần tích cực xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, làm tròn trách nhiệm của một quân đội cách mạng...*”;

Thực tiễn hơn 70 năm qua, Quân đội tham gia lao động sản xuất đã tạo nguồn lực đáng kể trực tiếp xây dựng quân đội để hoàn thành nhiệm vụ trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trên địa bàn biên giới, biển, đảo.Các doanh nghiệp quốc phòng là lực lượng chủ yếu trong xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị công nghệ cao; các khu kinh tế - quốc phòng được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ do quân đội thực hiện đã tham gia xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Vì vậy, Quân đội tham gia lao động sản xuất kết hợp quốc phòng với kinh tế là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã được thực tiễn kiểm nghiệm trong suốt thời gian qua;

Để thể chế quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa Luật Quốc phòng năm 2005, Luật Quốc phòng năm 2018 đã quy định chức năng, nhiệm vụ của Quân đội tại khoản 2 Điều 25 như sau: *“... Quân đội nhân dân có chức năng, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; lao động, sản xuất, kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội, tham gia phòng thủ dân sự, cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện nghĩa vụ quốc tế”* .

**11. Về nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng “... duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới”** (khoản 2 Điều 35)

- Luật Quốc phòng năm 2018, quy định nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Quốc phòng đảm bảo thống nhất với khoản 2 Điều 31, khoản 2 Điều 36 Luật Biên giới quốc gia, điểm c khoản 1 Điều 22 Luật An ninh quốc gia; khoản 5 Điều 15 Luật Công an nhân dân, Điều 2, Điều 5 Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng; Điều 1, Điều 2 Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam; theo đó, đã quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

- Phù hợp với tình hình thực tiễn của Bộ đội Biên phòng (BĐBP): Từ ngày thành lập, Đảng đã có 07 Nghị quyết và 01 Kết luận lãnh đạo, chỉ đạo về công tác biên phòng và xây dựng BĐBP. Trong đó, Nghị quyết số 11/NQTW ngày 8/8/1995 của Bộ Chính trị (*khóa VII*) đã xác định *"BĐBP thực hiện tốt ba chức năng quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng, đối ngoại ở khu vực biên giới; trong thời bình là quản lý, bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh trật tự biên giới quốc gia ..."* ; Thông báo số 165-TB/TW ngày 22/12/2004 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kết luận tổ chức BĐBP đã chỉ rõ *"Giữ ổn định lâu dài hệ thống tổ chức và chức năng, nhiệm vụ BĐBP như Nghị quyết số 11/NQTW của Bộ Chính trị (khóa VII) đã xác định"* .

Ngày 03/3/1959, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg về việc thành lập lực lượng vũ trang chuyên trách công tác biên phòng và bảo vệ nội địa, lấy tên là Công an nhân dân vũ trang, là ngày truyền thống của BĐBP. Lực lượng BĐBP đã có 4 lần thay đổi về quản lý (02 lần chuyển từ Bộ Công an sang Bộ Quốc phòng, 02 lần chuyển từ Bộ Quốc phòng sang Bộ Công an)và hiện nay thuộc Bộ Quốc phòng. Những lần chuyển giao lực lượng BĐBP đều chuyển nguyên trạng về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế;

Nước ta có 25 tỉnh, 104 cấp huyện, 436 cấp xã có chung đường biên giới đất liền với 3 nước Trung Quốc, Lào và Campuchia, với tổng chiều dài trên 4.900 km và 28 cấp tỉnh ven biển, 132 cấp huyện, 697 cấp xã với chiều dài bờ biển trên 3.260 km, do 433 đồn biên phòng, 485 trạm biên phòng quản lý. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, BĐBP đã làm nòng cốt, chuyên trách quản lý bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, các cửa khẩu, hải đảo, vùng biển nước ta.

Qua tổng kết thực tiễn 10 năm thực hiện Luật Quốc phòng năm 2005 ở các cấp và khảo sát tại nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương đều đề nghị bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn về quốc phòng của Bộ Quốc phòng ở các văn bản quy phạm pháp luật khác vào Luật Quốc phòng năm 2018 để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và phù hợp với thực tiễn xây dựng, huấn luyện, chiến đấu của Quân đội nhân dân*./.*